

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2025.

V/v tranh chấp "Ly hôn giữa anh Phạm Văn T  
với chị Phan Thị Á".

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đào Thanh Huỳnh .

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Lê Văn Thừa.
- Ông Nguyễn Vĩnh Khải.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Đức Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 487/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh năm 1978. ( có mặt )

Địa chỉ ấp T, thị trấn C, huyện C, TP ..

**- Bị đơn:** Chị Phan Thị Á, sinh năm 1982 . ( vắng mặt )

Địa chỉ ấp T, thị trấn C, huyện C, TP ..

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 02 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị Phan Thị Á do quen biết, tự tìm hiểu nhau và được sự đồng ý của hai gia đình anh và chị tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2003 và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc và có 03 con chung gồm cháu Phạm Văn S, sinh ngày 17/11/2003, cháu Phạm Văn H, sinh ngày 19/7/2016 và cháu Phạm Văn G, sinh ngày 07/01/2012. Cháu S đã trưởng thành, riêng cháu H và cháu G chưa trưởng thành đang sống cùng với anh. Tháng 2/2024, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Á.

- Về con chung và nuôi con chung: Cháu Phạm Văn S, sinh ngày 17/11/2003 đã trưởng thành. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Phạm Văn H, sinh ngày 19/7/2016 và cháu Phạm Văn G, sinh ngày 07/01/2012 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị Á cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

*Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Phan Thị Á được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự:* Theo đơn khởi kiện của anh Phạm Văn T thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “ Ly hôn ”. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Bị đơn chị Phan Thị Á được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, có căn cứ xét xử vắng mặt chị Á.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa anh T và chị Á là hợp pháp. Anh, chị tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ, chồng cũng có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh T và chị Á đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T, cho anh được ly hôn với chị Á là phù hợp.

[3] *Về con chung và nuôi con chung:* Vợ, chồng có 03 con chung có 03 con chung gồm cháu Phạm Văn S, sinh ngày 17/11/2003, cháu Phạm Văn H, sinh ngày 19/7/2016 và cháu Phạm Văn G, sinh ngày 07/01/2012. Cháu S đã trưởng thành. Riêng cháu H và cháu G chưa trưởng thành, đang sống cùng với anh T nên cần giao cháu H và cháu G cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Ghi nhận anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung:* Do chị Phan Thị Á vắng mặt nên cần tách ra giải quyết thành một vụ kiện khác nếu phát sinh tranh chấp là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Văn T phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân

gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Phạm Văn T. Cho ly hôn giữa anh T và chị Phan Thị Ánh .

2. *Về con chung và nuôi con chung:* Vợ, chồng có 03 con chung có 03 con chung gồm cháu Phạm Văn S, sinh ngày 17/11/2003 đã trưởng thành, cháu Phạm Văn H, sinh ngày 19/7/2016 và cháu Phạm Văn G, sinh ngày 07/01/2012. Giao hai con chung cháu H và cháu G cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Á không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, chị Á không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có, thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của con chung.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung:* Do chị Phan Thị Á vắng mặt nên cần tách ra giải quyết thành một vụ kiện khác nếu phát sinh tranh chấp.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Anh Phạm Văn T phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008254 ngày 14 tháng 10 năm 2024 thành tiền án phí.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND thị trấn Cờ Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đã Ký )

**Đào Thanh Huỳnh**